

Họ và tên:

Lớp:

Phiếu bài tập Toán lớp 5

Phần I. Trắc nghiệm

Câu 1. Phân số nào dưới đây có thể được viết dưới dạng phân số thập phân?

- A. $\frac{19}{21}$ B. $\frac{3}{100}$ C. $\frac{11}{13}$ D. $\frac{5}{6}$

Câu 2. Trong các phân số sau, phân số nào là phân số thập phân?

- A. $\frac{55}{128}$ B. $\frac{95}{60}$ C. $\frac{100}{117}$ D. $\frac{5}{10}$

Câu 3. Dãy số nào dưới đây là dãy bốn số chẵn liên tiếp?

- A. 258; 260; 263; 264 B. 258; 260; 262; 264
C. 258; 260; 262; 266 D. 253; 254; 255; 256

Câu 4. Viết số thập phân có: năm nghìn bảy mươi hai đơn vị và hai trăm linh một phần nghìn.

- A. 5074,01 B. 206,072 C. 5072,201 D. 509,21

Câu 5. Cho số thập phân 712,7. Yêu cầu chọn cách đọc đúng của số đó.

- A. Bảy trăm mười hai phẩy bảy B. Bảy trăm mười hai phẩy không một
C. Bảy trăm mười hai chấm bảy D. Bảy một hai phẩy bảy

Câu 6. Ba bạn Trang, Linh, và Bình có chiều cao lần lượt là 1,8 m, 1,4 m, và 1,76 m. Hỏi bạn nào cao nhất?

- A. Bình B. Linh C. Trang D. Không xác định được

Câu 7. Chuyển phân số $\frac{27}{8}$ thành số thập phân.

- A. 3,85 714 B. 3,375 C. 3,5 D. 0,3375

Câu 8. Làm tròn số 858 404 305 đến hàng trăm nghìn ta được số nào?

- A. 858 100 000 B. 858 500 000 C. 858 400 000 D. 858 000 000

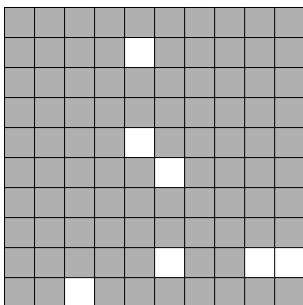
Câu 9. Số 194 896 227 được đọc là:

- A. Một trăm chín mươi bốn triệu tám trăm chín mươi sáu nghìn hai trăm hai mươi bảy
B. Một chín mươi bốn triệu tám trăm chín mươi sáu nghìn hai trăm hai mươi bảy
C. Một trăm bốn mươi chín triệu tám trăm chín mươi sáu nghìn hai trăm hai mươi bảy
D. Chín trăm mười bốn triệu tám trăm chín mươi sáu nghìn hai trăm hai mươi bảy

Câu 10. Phân số nào dưới đây không phải là phân số thập phân?

- A. $\frac{189}{100}$ B. $\frac{686}{1000}$ C. $\frac{73}{72}$ D. $\frac{9}{10}$

Câu 11. Số thập phân nào dưới đây biểu thị cho phần đã được tô màu trong hình?



- A. 0,07 B. 0,93 C. ,93 D. 93

Câu 12. Bạn Dũng cao 1,44 m, Bạn Mai cao 1,62 m, Bạn Cường cao 1,53 m. Hỏi bạn nào cao nhất?

- A. Bạn Mai cao nhất. B. Bạn Mai học giỏi nhất.
C. Cả ba bạn cao bằng nhau. D. Bạn Dũng cao nhất.

Câu 13. Viết số thập phân có: 5 chục, 7 phần mười, 9 trăm, 9 đơn vị.

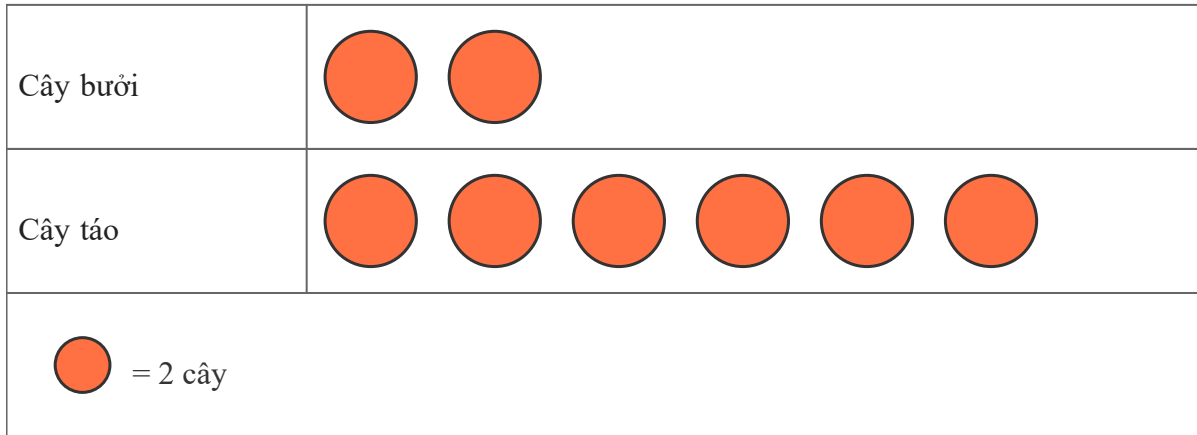
- A. 213,8 B. 1117,2 C. 95,97 D. 959,7

Câu 14. Dãy số nào dưới đây là dãy bốn số chẵn liên tiếp?

- A. 30; 32; 34; 36 B. 30; 36; 34; 36 C. 27; 28; 29; 30 D. 30; 33; 34; 36

Câu 15. Biểu đồ tranh dưới đây cho biết số cây ăn quả có trong vườn nhà bạn An.

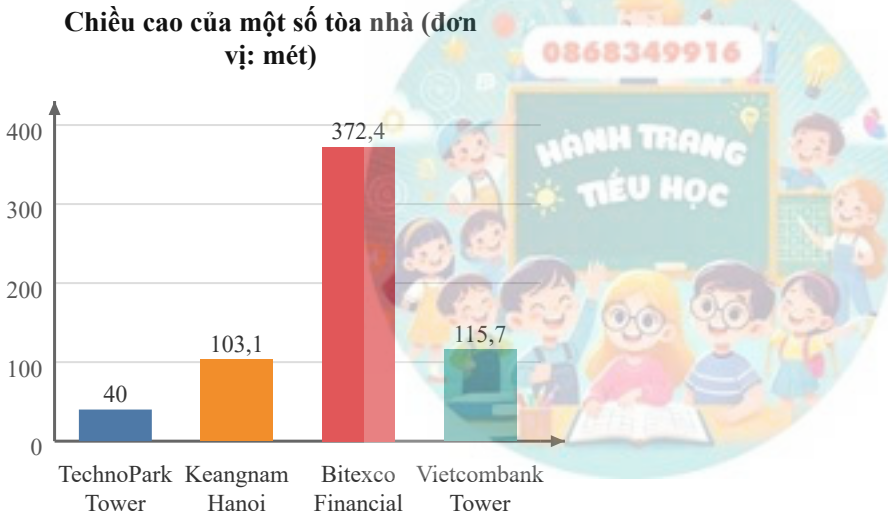
Số cây ăn quả trong vườn



Tổng số Cây táo và số Cây bưởi là bao nhiêu cây?

- A. 8 cây B. 16 cây C. 14 cây D. 4 cây

Câu 16. Biểu đồ cột dưới đây cho biết chiều cao của một số tòa nhà.



Dựa vào biểu đồ, cho biết tòa nhà nào có chiều cao nhỏ nhất?

- A. Keangnam Hanoi B. Vietcombank Tower C. TechnoPark Tower D. Bitexco Financial

Phần II. Tự luận

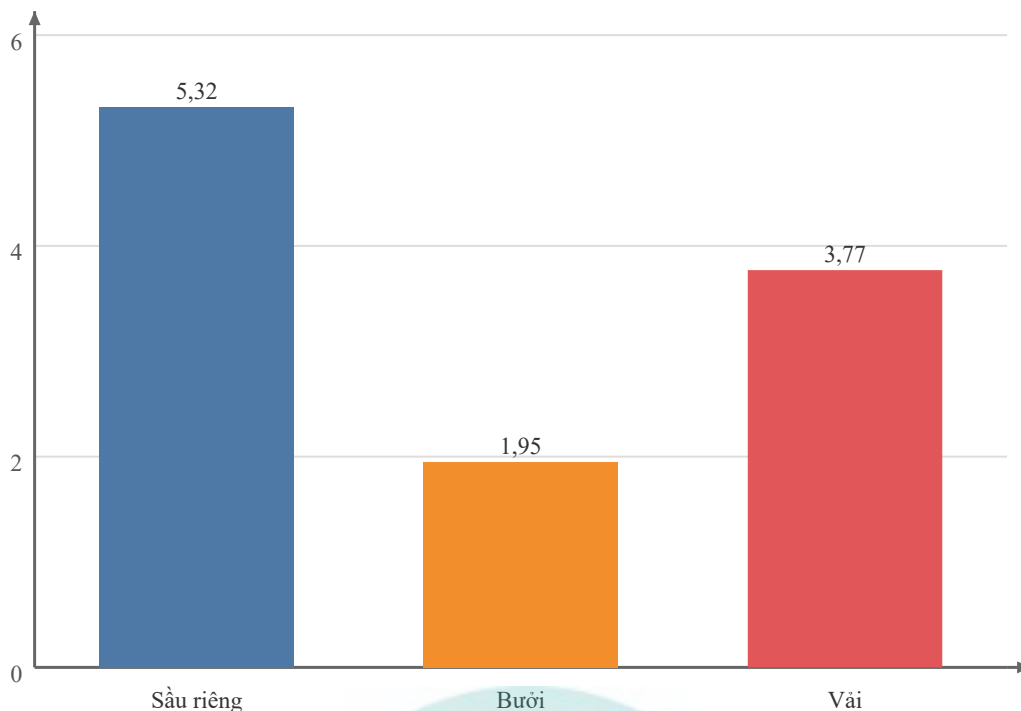
Bài 1. Tổ hai trồng được $\frac{10}{13}$ số cây của lớp, tổ ba trồng được $\frac{5}{7}$ số cây của lớp, tổ một trồng được $\frac{2}{9}$ số cây của lớp và tổ bốn trồng được $\frac{2}{7}$ số cây của lớp. Hỏi ai trồng được nhiều số cây của lớp nhất?

Bài 2. Điền dấu (<, >, =) thích hợp vào chỗ chấm.

- | | |
|----------------------------|--------------------------------|
| a) 525 922 ... 22 245 725 | b) 346 530 954 ... 795 432 646 |
| c) 8 144 348 ... 8 144 348 | d) 988 191 ... 356 935 374 |
| e) 96 261 ... 78 233 | f) 50 212 670 ... 5 357 975 |
| g) 153 068 ... 416 991 | h) 7 558 622 ... 9 358 498 |

Bài 3. Quy đồng mẫu số các phân số $\frac{7}{20}, \frac{7}{8}, \frac{5}{12}$.

Sản lượng trái cây thu hoạch được (tấn)



Trong các loại trái cây trên, loại trái cây nào có sản lượng nhỏ nhất?

Bài giải

.....

Bài 9. Trong các phân số sau, phân số nào là phân số thập phân? Hãy điền 'PSTP' nếu đúng, điền 'Không' nếu sai.

- | | | | |
|-------------------------------|------------------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| a) $\frac{248}{460}$: | b) $\frac{605}{840}$: | c) $\frac{244}{1000}$: | d) $\frac{366}{100}$: |
| e) $\frac{137}{1000}$: | f) $\frac{296}{10}$: | g) $\frac{992}{253}$: | h) $\frac{560}{1000}$: |

Bài 10. Viết các phân số thập phân sau thành số thập phân, rồi đọc các số thập phân đó.

- a) $\frac{36}{10}$: Viết số thập phân:; Đọc số thập phân:
-
- b) $\frac{28}{10}$: Viết số thập phân:; Đọc số thập phân:
-
- c) $\frac{191}{10}$: Viết số thập phân:; Đọc số thập phân:
-
- d) $\frac{67}{10}$: Viết số thập phân:; Đọc số thập phân:
-

Bài 11. Quy đồng mẫu số các cặp phân số sau:

- | | | | |
|-----------------------------------|-----------------------------------|------------------------------------|------------------------------------|
| a) $\frac{1}{4}$ và $\frac{3}{8}$ | b) $\frac{3}{4}$ và $\frac{1}{3}$ | c) $\frac{4}{5}$ và $\frac{7}{12}$ | d) $\frac{1}{8}$ và $\frac{1}{10}$ |
|-----------------------------------|-----------------------------------|------------------------------------|------------------------------------|

Bài giải

.....

.....
.....
Bài 12. Rút gọn các phân số sau để được phân số thập phân:

a) $\frac{427}{700} = \dots\dots\dots$ b) $\frac{801}{900} = \dots\dots\dots$ c) $\frac{1612}{4000} = \dots\dots\dots$ d) $\frac{1322}{2000} = \dots\dots\dots$

Bài 13. Hoàn thành các bài tập sau:

- a) Viết số thập phân sau: sáu trăm bốn mươi ba phẩy chín
.....
b) Viết cách đọc số sau: 754,4
c) Viết số thập phân sau: tám trăm linh tám phẩy bảy
.....
d) Viết cách đọc số sau: 259,4

Bài 14. Bốn bao gạo có cân nặng lần lượt là 37,5; 28,94; 32,8; 29,1; 31,3 kg. Hãy viết lại danh sách các cân nặng trên theo thứ tự từ bé đến lớn:

---HẾT---

